

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 417

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 14 tháng 10 Năm 2020

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III /2020

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị

dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

(Tên đơn vị) công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III/2020 như sau: Sở Khoa học và Công nghệ

ĐV tính: 1000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III/2020	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III/2020 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	110,000	27,950	25	
I	Lệ phí	2,000	1,000		-
a	Lệ phí cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ	2,000	1,000		
b	Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN				
2	Phí	108,000	26,950	25	
a	Phí thẩm định an toàn phóng xạ, bức xạ, an ninh hạt nhân	88,000	24,950		
b	Phí thẩm định điều kiện hoạt động KHCN	20,000	2,000		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	93,000	2,400	3	-
I	Chi sự nghiệp	-			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-			
2	Chi quản lý hành chính	93,000	2,400	3	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	93,000	2,400		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	17,000	4,943.0	29	
I	Lệ phí	2,000	1,000		-
a	Lệ phí cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ	2,000	1,000		
b	Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III/2020	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III/2020 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2	Phí	15,000	3,943.0		-
a	Phí thâm định an toàn phóng xạ, bức xạ, an ninh hạt nhân	13,000	3,742.5		
b	Phí thâm định điều kiện hoạt động KHCN	2,000	200		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	54,619,639	13,142,092	24	
I	Nguồn ngân sách trong nước	54,619,639	13,142,092	24	
1	Chi quản lý hành chính	5,606,200	1,454,884		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4,360,000	939,743		-
a	- Đã trừ 10% thực hiện cải cách tiền lương	4,265,000	939,743		
b	- Tiết kiệm 10% phân bổ về đơn vị để thực hiện cải cách tiền lương	95,000			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1,246,200	515,141		-
a	- Đã trừ 10% thực hiện cải cách tiền lương	1,010,000	507,611		
b	- Tiết kiệm 10% phân bổ về đơn vị để thực hiện cải cách tiền lương	110,000			
c	-KP Hỗ trợ tiền tết nguyên đán	6,200			
d	- Chương trình mục tiêu quốc gia 0026 - Xóa đói giảm nghèo	10,000	600		
e	- Chương trình mục tiêu quốc gia- Nông thôn mới - 00403	20,000	6,930		
f	- Chương trình mục tiêu quốc gia- Nông thôn mới - 00395	90,000			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	39,568,439	10,632,258	27	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	20,783,439	4,614,152	22	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh	20,783,439	4,614,152		
	+ KP năm 2019 chuyển nguồn sang	13,570,439			
	+Nhiệm vụ khoa học công nghệ 2020	7,213,000			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Mua sắm thiết bị)	13,765,000	5,702,109	41	-
a	- Đã trừ 10% thực hiện cải cách tiền lương	12,388,000	5,702,109		
b	- Tiết kiệm 10% giữ lại tại NS tỉnh để CCTL	1,377,000			
2.4	Kinh phí chi quản lý nhiệm vụ KHCN và các nhiệm vụ KHCN thường xuyên khác	5,020,000	315,997	6	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III/2020	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III/2020 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
a	- Kinh phí chi quản lý nhiệm vụ KHCN 2020 (Đã trừ 10% thực hiện cải cách tiền lương)	4,518,000	315,997		
b	- Kinh phí chi quản lý nhiệm vụ KHCN 2020 (Tiết kiệm 10% giữ lại tại NS tỉnh đề CCT)	502,000			
3	Chi hoạt động kinh tế	1,365,000	4,950	0	-
3.1	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>	-			
3.2	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	1,365,000	4,950	0	-
a	- Đã trừ 10% thực hiện cải cách tiền lương	1,228,000	4,950		
b	- Tiết kiệm 10% giữ lại tại NS tỉnh đề CCTL	137,000			
4	Trung ương bổ sung có mục tiêu	4,080,000	1,050,000	26	
5	Kinh phí ngân sách tạm ứng techdemo 2019	4,000,000		-	
a	- KP năm 2019 chuyển nguồn sang	4,000,000		-	

Ngày 14 tháng 10 năm 2020

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Nam Hải

